| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NINH HẢI**<br>**TỈNH NINH THUẬN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |

Bản án số: 39/2024/DS-ST
Ngày: 25/9/2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI, TỈNH NINH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Hải
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Bà Trần Thị Huệ
2. Bà Võ Thị Thơ

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quốc Trí – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 121/2024/TLST- DS ngày 05 tháng 6 năm 2024, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33b/2024/QĐXXST-DS ngày 20/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35b/2024/QĐST-DS ngày 06/9/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Kim L, sinh năm: 1984. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 30 Thống Nhất, phường Đạo Long, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc Nguyên, sinh năm: 1978. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Tân Sơn 1, xã Thành Hải, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1997. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 125/10 Yên Ninh, khu phố Khánh Chữ 2, thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Kim L trình bày:*

Vào ngày 29/9/2023 bà có cho bà Nguyễn Thị X vay số tiền 15.000.000 đồng theo hợp đồng vay số PNKH23009/2/11, thời hạn vay 03 tháng (Từ ngày 29/9/2023 đến ngày 28/12/2023), lãi suất 1.75%/tháng, lãi suất quá hạn 2,6%/tháng, hình thức trả góp gốc và lãi hàng ngày 176.000 đồng. Bà X đã trả được số tiền 3.820.000 đồng, sau đó không trả cho đến nay. Từ ngày 09/11/2023

đến nay, bà đã nhiều lần làm việc trực tiếp, và tạo điều kiện cho bà X thực hiện nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên bà X đến nay vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ của mình đối với cam kết đã ký và cố tình né tránh. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu bà X phải trả cho bà tổng cộng số tiền tính đến ngày 04/7/2024 là 13.646.000 đồng. Trong đó, nợ gốc là: 11.180.000 đồng; lãi trong hạn (áp dụng lãi suất 20%/năm từ ngày 29/9/2023 đến ngày 28/12/2023) là 739.000 đồng; lãi quá hạn (áp dụng lãi suất 30%/năm, từ ngày 29/12/2023 đến ngày 04/7/2024 tương đương 188 ngày là 1.727.000 đồng). Yêu cầu bà X phải tiếp tục trả lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc với lãi suất theo thoả thuận là 30%/năm cho đến khi trả dứt nợ.

Ngày 25/9/2024 nguyên đơn bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện. Bà yêu cầu bà X phải trả cho bà tổng cộng số tiền tính đến ngày 25/9/2024 là 14.409.000 đồng. Trong đó, nợ gốc: 11.180.000 đồng; lãi trong hạn (áp dụng lãi suất 20%/năm từ ngày 29/9/2023 đến ngày 28/12/2023) là 739.000 đồng; lãi quá hạn (áp dụng lãi suất 30%/năm, từ ngày 29/12/2023 đến ngày 25/9/2024 tương đương 271 ngày là 2.490.000 đồng). Yêu cầu bà X phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo quy định của pháp luật đối với số tiền nợ gốc cho đến khi trả dứt nợ.

*Tại biên bản ghi lời khai ngày 20/6/2024 bà Nguyễn Thị X trình bày:* Bà xác nhận có vay của bà Phạm Thị Kim L số tiền 15.000.000 đồng. Chữ ký trong hợp đồng vay số PNKH23009/2/11 và trong giấy nhận nợ ngày 29/9/2023 là của bà. Tuy nhiên, bà đã đưa cho bà Út tiền góp hàng ngày để trả cho bà L tổng cộng số tiền 5.200.000 đồng. Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền gốc là 13.180.000 đồng và tiền lãi thì bà không đồng ý trả, bà chỉ đồng ý trả tiền gốc sau khi trừ số tiền bà đã trả và bà chỉ đồng ý trả mỗi tháng số tiền 300.000 đồng.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký, nguyên đơn đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt dù đã được tống đạt hợp lệ. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ kiện này là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn cư trú tại thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân hyện Ninh Hải theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay bị đơn tiếp tục vắng mặt dù đã được tống đạt hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Căn cứ vào hợp đồng vay số PNKH23009/2/11 và giấy nhận nợ ngày 29/9/2023 thấy rằng các giấy tờ trên đều có chữ ký của bà X và bà X xác nhận chữ ký là của bà. Căn cứ vào các chứng cứ trên, đủ cơ sở để xác định: Ngày 29/9/2023 bà Nguyễn Thị X ký hợp đồng vay số PNKH23009/2/11 vay số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 1.75%/tháng, lãi suất quá hạn 2,6%/tháng, hình thức trả góp gốc và lãi hàng ngày 176.000 đồng. Hợp đồng vay tiền giữa bà L và bà X được ký kết trên cơ sở tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức đúng quy định của pháp luật nên xác định là hợp đồng hợp pháp. Sau khi ký hợp đồng và nhận tiền đến nay, bà X đã trả được số tiền 3.820.000 đồng, sau đó không trả cho đến nay.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L buộc bà X phải trả cho bà tính đến ngày 25/9/2024 tổng cộng số tiền 14.409.000 đồng (Trong đó, nợ gốc: 11.180.000 đồng; lãi trong hạn: 739.000 đồng; lãi quá hạn: 2.490.000 đồng) và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật kể từ ngày 26/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét ý kiến trình bày của bị đơn bà Nguyễn Thị X. Xét thấy:

Ngày 29/9/2023 do cần tiền nên bà vay của bà L số tiền 15.000.000 đồng, hình thức trả góp gốc, lãi hàng ngày 176.000 đồng. Bà trình bày đã đưa tiền cho bà Út để trả cho bà L tổng cộng số tiền 5.200.000 đồng, tuy nhiên bà không cung cấp chứng cứ gì về việc bà đưa tiền cho bà Út để trả cho bà L. Tại biên bản ghi lời khai ngày 04/7/2024 bà L trình bày, bà không biết bà Út là ai, bà là người trực tiếp thu tiền góp hàng ngày (Bà có nộp cho Tòa án bản kê thu tiền góp hàng ngày). Mặt khác, Tòa án đã tống đạt giấy báo cho bà X nhiều lần đến tòa làm việc, nhưng bà không đến tòa để cung cấp chứng cứ chứng minh cho ý kiến của bà. Quá trình giải quyết vụ án, sau khi Tòa án đến nhà lập biên bản ghi nhận ý kiến của bà X, sau đó bà không chấp hành theo giấy báo của Tòa, không có mặt trong các phiên hòa giải để cung cấp các chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình và vắng mặt không đến phiên tòa để trình bày ý kiến coi như tự từ bỏ quyền lợi của mình. Do đó, bà yêu cầu trừ số tiền 5.200.000 đồng vào số tiền nợ gốc mà bà vay của bà L là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Từ các phân tích như trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, phù hợp với những nhận định trên nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Các Điều 280, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim L.

Buộc bà Nguyễn Thị X phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Kim L tính đến ngày 25/9/2024 tổng cộng số tiền 14.409.000 đồng (Mười bốn triệu bốn trăm lẻ chín ngàn đồng). Trong đó, nợ gốc: 11.180.000 đồng; lãi trong hạn: 739.000 đồng; lãi quá hạn: 2.490.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị X phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ phù hợp quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị X phải nộp 720.000 đồng (Bảy trăm hai mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Loan số tiền 328.000 đồng (Ba trăm hai mươi tám ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003567 ngày 29/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

3. Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 06, 07 và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- CCTHADS huyện Ninh Hải;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hoàng Hải**